TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST Ngày 08-7-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 562/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn NN, xã B, huyện A thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Cao Văn T, trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Cao Văn T do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ngay từ những năm đầu cuộc sống vợ chồng chị không hòa thuận. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không tu chí gia đình, rượu chè, chửi xúc phạm đánh chị, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn nhiều lần anh T đuổi chị. Đến năm 2007 chị không chung sống với anh T, chị đi làm xa và sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T đã đưa một người phụ khác về chung sống như vợ chồng và còn tổ chức đám cưới công khai. Chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Cao Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Cao Thị Phương A, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001 đã trưởng thành và Cao Tuấn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005. Ly hôn Chị H nhường quyền cho anh T nuôi con Cao Tuấn D và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tự nguyện. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn T có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của Chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Năm 2006 anh nhất trí cho Chị H đi lao động ở Malaixia, Chị H đi thỉnh thoảng về nhưng không về nhà với anh, Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn NN, xã B, huyện A thành phố Hải Phòng. Do Chị H không quay về chung sống với anh, Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý, tùy Chị H ly hôn đơn phương anh không quan tâm và không đến Tòa án để giải quyết, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Về con chung: Anh T nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi con như Chị H trình bày. Con Cao Thị Phương A, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001 đã trưởng thành. Chị H ly hôn anh thì anh nhận nuôi con Cao Tuấn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Cao Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, con Cao Thị Phương A, sinh ngày 15 tháng 3 năm

2001 đã trưởng thành, giao con Cao Tuấn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 cho anh T nuôi dưỡng, tạm hoãn việc Chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Cao Văn T. Anh T có nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Cao Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống Chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị H và anh T đã sống ly thân nhau nhiều năm, anh T đã đưa một người phụ nữ khác về nhà chung sống với nhau như vợ chồng. Chị H xin ly hôn anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không tìm Chị H và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải và phiên tòa anh T đều vắng mặt, chứng tỏ anh T từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa Chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Cao Thị Phương A, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001 đã trưởng thành và Cao Tuấn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005. Tại lời khai của anh T đồng ý nuôi con Cao Tuấn D và anh không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện anh anh T có nơi ở ổn định, lao động tự do có thu nhập đảm bảo nuôi con và được hỗ trợ của gia đình anh T, cháu

Dũng có đơn đề nghị ở với anh T. Hội đồng xét xử giao con Cao Tuấn D cho anh Cao Văn T nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Văn T.

2. Về con chung: Giao con Cao Tuấn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 cho anh Cao Văn T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001232 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn